

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CÀU THÁI HÀ

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (viết tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1001045855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 16/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 29/01/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ sáu ngày 29/01/2021 là 592.468.000.000 VND (Năm trăm chín mươi hai tỷ, bốn trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị và thu phí cầu đường.

Tên tiếng anh: THAI HA BRIDGE BOT JOINT STOCK

Tên viết tắt: BOT CAU THAI HA.,JSC

Mã chứng khoán: BOT

Trụ sở chính: Thôn Phú Vật, xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, Việt Nam

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm 2020 của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ gồm có:

Hội đồng quản trị:

Ông	Ngô Tiến Cương	Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo pháp luật
Ông	Nguyễn Đức Ý	Thành viên
Ông	Hoàng Quốc Anh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Đức Ý	Tổng Giám đốc
Ông	Trần Xuân Phương	Kế toán trưởng

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. HCM ("AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính giữa niên độ. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

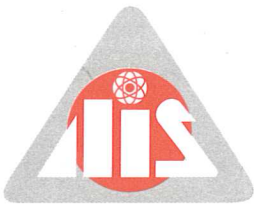
Thái Bình, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Thay mặt Ban Lãnh đạo



Ngô Tiên Cường

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Số: A0620028-R/AISHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25/03/2021, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần BOT cầu Thái Hà tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được Công ty Kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần tại ngày 09 tháng 3 năm 2020.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh VIII.4, trong năm Công ty đã thay đổi chính sách khấu hao tài sản cố định từ khấu hao đường thẳng sang khấu hao theo phương pháp khấu hao theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án. Việc thay đổi chính sách khấu hao này dẫn đến các điều chỉnh hồi tố liên quan do ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Công ty.

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc đến thuyết minh số VIII.5 trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 về khoản lỗ lũy kế 193.150.770.885 đồng. Tài sản ngắn hạn tại 31/12/2020 là 106.445.705.507 đồng, tổng nợ phải trả là 1.072.251.058.596 đồng, trong đó nợ ngắn hạn là 82.227.184.183 đồng. Doanh thu năm 2020 chỉ đạt 26,59% so với phương án tài chính. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh liên tục bị âm từ thời điểm Công ty bắt đầu hoạt động thu phí. Hiện tại các khoản nợ tín dụng được thanh toán nhờ vào sự tài trợ của cổ đông lớn là Công ty TNHH Tiên Đại Phát. Các yếu tố trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ngày 04/02/2020, Công ty đã có công văn số 05/2020/TH-KTKH gửi Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục đường bộ Việt Nam và Ban quản lý dự án Thăng Long đề cập đến một số vấn đề còn tồn tại từ bước lập dự án đầu tư, mời nhà đầu tư, triển khai xây dựng, khai thác dự án cầu Thái Hà là những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty cũng đã đưa ra một số kiến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho nhà đầu tư có thể thu đúng, thu đủ để hoàn vốn đầu tư, như: đề xuất được lắp đặt bổ sung trạm thu phí, thực hiện tư vấn lập dự án đánh giá lưu lượng xe thực tế qua cầu, được vốn hóa các chi phí trong thời gian chờ hoạt động,...Hiện tại Công ty đang chờ văn bản trả lời của Bộ Giao thông vận tải và cấp có thẩm quyền về các nội dung theo Công văn nêu trên.

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng, với tài sản hiện hữu thuộc sở hữu của Công ty là Cầu Thái Hà (tổng giá trị đầu tư là 1.381,314 tỷ đồng) và 94,968 tỷ đồng thuế GTGT trong giai đoạn đầu tư đang làm thủ tục hoàn thuế), cùng với sự hỗ trợ cam kết tài chính dài hạn để thanh toán các khoản nợ tín dụng của nhà đầu tư là Công ty TNHH Tiên Đại Phát theo văn bản số 09/TDP-TCKT ngày 02/02/2019 thì Công ty chắc chắn sẽ hoạt động liên tục trong tương lai.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TÍN HỌC TP HỒ CHÍ MINH



PHẠM XUÂN SƠN

Số giấy CNĐKHNKT: 1450-2019-005-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

VŨ KHẮC CHUYỀN

Số giấy CNĐKHNKT: 0160-2018-005-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		106.445.705.507	104.873.477.543
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.684.139.473	842.878.023
1. Tiền	111		3.684.139.473	842.878.023
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.792.997.474	6.651.984.844
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.2	4.623.104.310	3.482.091.680
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	3.169.893.164	3.169.893.164
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		94.968.568.560	97.378.614.676
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.6	94.968.568.560	97.378.614.676
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.365.122.582.204	1.373.498.597.268
I. Tài sản cố định	220		1.365.122.582.204	1.373.498.597.268
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	1.365.122.582.204	1.373.498.597.268
- Nguyên giá	222		1.381.314.802.070	1.381.314.802.070
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.192.219.866)	(7.816.204.802)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.471.568.287.711	1.478.372.074.811

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.072.251.058.596	1.090.089.634.879
I. Nợ ngắn hạn	310		82.227.184.183	77.865.760.466
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.5	15.983.844.458	15.983.844.458
2. Phải trả người lao động	314		181.881.954	0
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.7	21.965.452.057	2.200.310.294
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.8	5.714	3.605.714
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10a	42.416.000.000	58.838.000.000
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.9a	1.680.000.000	840.000.000
II. Nợ dài hạn	330		990.023.874.413	1.012.223.874.413
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.10a	986.423.874.413	1.010.423.874.413
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.9b	3.600.000.000	1.800.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		399.317.229.115	388.282.439.932
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	399.317.229.115	388.282.439.932
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		592.468.000.000	485.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		592.468.000.000	485.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(193.150.770.885)	(96.717.560.068)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		(96.717.560.068)	0
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(96.433.210.817)	(96.717.560.068)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.471.568.287.711	1.478.372.074.811


Thái Bình, ngày 25 tháng 3 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Minh Đức

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Xuân Phương

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ngô Tiên Cường



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	25.694.359.091	24.004.687.267
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	25.694.359.091	24.004.687.267
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	12.897.166.377	12.383.330.909
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		12.797.192.714	11.621.356.358
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	646.785	729.154
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	108.136.744.849	106.993.971.101
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>108.136.744.849</i>	<i>106.993.971.101</i>
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.094.305.467	1.345.674.479
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(96.433.210.817)	(96.717.560.068)
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		0	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(96.433.210.817)	(96.717.560.068)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	0	0
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(96.433.210.817)	(96.717.560.068)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(1.987)	(2.415)
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(1.987)	(2.415)

Thái Bình, ngày 25 tháng 3 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU


 Nguyễn Thị Minh Đức

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Xuân Phương

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ngô Tiến Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	28.377.502.480	26.405.156.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(34.015.107.549)	(1.277.474.052)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.997.354.168)	(2.165.209.845)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(88.398.111.819)	(105.984.560.630)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	0	1.200.000
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(172.314.279)	(174.502.674)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(96.205.385.335)	(83.195.391.201)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	646.785	729.154
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	646.785	729.154
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	107.468.000.000	85.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	77.316.000.000	102.821.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(85.738.000.000)	(103.850.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	99.046.000.000	83.971.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	2.841.261.450	776.337.953
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	842.878.023	66.540.070
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	3.684.139.473	842.878.023

Thái Bình, ngày 25 tháng 3 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





Nguyễn T Minh Đức

Trần Xuân Phương

Ngô Tiến Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (viết tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1001045855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 16/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 29/01/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ sáu ngày 29/01/2021 là 592.468.000.000 VND (Năm trăm chín mươi hai tỷ, bốn trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần.

Tên tiếng anh: THAI HA BRIDGE BOT JOINT STOCK**Tên viết tắt:** BOT CAU THAI HA.,JSC**Mã chứng khoán:** BOT**Trụ sở chính:** Thôn Phú Vật, xã Tiên Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, Việt Nam**2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị và thu phí cầu đường.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Phá vỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có

5. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2020: 32 nhân viên.**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty là Cầu Thái Hà, được đầu tư theo hợp đồng BOT. Từ năm 2020, tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án theo quy định tại thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi Thông tư 45/2013/TT-BTC.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Cầu đường

16 năm 7 tháng

4. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

5. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế Công ty chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo, như: chi phí lãi tiền vay; chi phí trích trước cho các công trình...

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi bán hàng trả chậm, trả góp và các hoạt động doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ. Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại), chi phí bằng tiền khác.

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp đã ghi nhận không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính là khoản chi phí đi vay vốn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

14. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***14. Công cụ tài chính (tiếp theo)****Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

15. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng thành viên, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT áp dụng là: 0%, 10% và không chịu thuế.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

H
H
Á
H
P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền	3.684.139.473	842.878.023
Tiền mặt	3.545.992.639	839.957.779
Việt Nam đồng	3.545.992.639	839.957.779
Tiền gửi ngân hàng	138.146.834	2.920.244
Tiền gửi ngân hàng	138.146.834	2.920.244
Việt Nam đồng	138.146.834	2.920.244
Cộng	3.684.139.473	842.878.023

2. Trả trước cho người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy	2.500.000.000	0	2.500.000.000	0
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Hưng Hà	612.091.680	0	612.091.680	0
Chi nhánh Cty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - TDK tại Hà	330.000.000	0	330.000.000	0
Công ty Bảo Việt nhân thọ Hà Nội	55.522.720	0	0	0
Công ty TNHH Kiểm toán CPA Vietnam	0	0	40.000.000	0
Công ty THNN Kiểm toán và Tư vấn RSM	1.045.454.454	0	0	0
Các đối tượng khác	80.035.456	0	0	0
Cộng	4.623.104.310	0	3.482.091.680	0

3. Phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	3.169.893.164	0	3.169.893.164	0
Công ty TNHH Tiến Đại Phát - XL 03	2.642.445.621	0	2.642.445.621	0
Ủy ban nhân dân xã Tiến Đức	200.000.000	0	200.000.000	0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh địa ốc Hà	174.428.180	0	174.428.180	0
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bản Thái	137.963.980	0	137.963.980	0
Công ty CP Cầu 11 Thăng Long	14.954.042	0	14.954.042	0
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển kinh doanh Vượng phát	101.341	0	101.341	0
Cộng	3.169.893.164	0	3.169.893.164	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.381.314.802.070	1.381.314.802.070
Số dư cuối năm	1.381.314.802.070	1.381.314.802.070
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	7.816.204.802	7.816.204.802
Khấu hao trong năm	8.376.015.064	8.376.015.064
Số dư cuối năm	16.192.219.866	16.192.219.866
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	1.373.498.597.268	1.373.498.597.268
Số dư cuối năm	1.365.122.582.204	1.365.122.582.204

(*) Tài sản cố định hữu hình là giá trị công trình cầu Thái Hà được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh. Hiện tại dự án đã thi công xong và đưa vào khai thác sử dụng. Do đó chi phí hợp lý của dự án phụ thuộc vào kết quả kiểm toán Quyết định phê duyệt giá trị quyết toán vốn đầu tư dự án của các Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5. Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	15.983.844.458	15.983.844.458	15.983.844.458	15.983.844.458
Công ty Cổ phần Cầu 14 - CIENCO 1	5.974.897.650	5.974.897.650	5.974.897.650	5.974.897.650
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	3.522.330.279	3.522.330.279	3.522.330.279	3.522.330.279
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	2.435.060.700	2.435.060.700	2.435.060.700	2.435.060.700
Công ty Cổ phần Xây dựng D&T Việt Nam	828.388.000	828.388.000	828.388.000	828.388.000
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	744.307.604	744.307.604	744.307.604	744.307.604
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Địa Ốc Hà	682.632.000	682.632.000	682.632.000	682.632.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Bình Minh	651.652.600	651.652.600	651.652.600	651.652.600
Công ty Cổ phần 16 - CIENCO 1	419.917.000	419.917.000	419.917.000	419.917.000
Công ty Tư vấn Thiết kế kiến trúc xây dựng	355.000.000	355.000.000	355.000.000	355.000.000
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Thái Sơn	173.446.000	173.446.000	173.446.000	173.446.000
Phải trả người bán khác	196.212.625	196.212.625	196.212.625	196.212.625
Cộng	15.983.844.458	15.983.844.458	15.983.844.458	15.983.844.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải trả người bán (tiếp theo)**b. Phải trả người bán là các bên liên quan**

Công ty TNHH Tiến Đại Phát	744.307.604	744.307.604	744.307.604	744.307.604
Cộng	744.307.604	744.307.604	744.307.604	744.307.604

6. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp /khấu trừ trong năm	31/12/2020
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	0	2.569.435.909	2.569.435.909	0
Thuế môn bài	0	3.000.000	3.000.000	0
Cộng	0	2.572.435.909	2.572.435.909	0

7. Chi phí phải trả**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí lãi vay phải trả	21.938.943.324	2.200.310.294
Chi tiền điện	26.508.733	0
Cộng	21.965.452.057	2.200.310.294

8. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Bảo hiểm xã hội	0	2.868.750
Bảo hiểm y tế	0	506.250
Bảo hiểm thất nghiệp	0	225.000
Phải trả ngắn hạn khác	5.714	5.714
Cộng	5.714	3.605.714

9. Dự phòng phải trả**a. Ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.680.000.000	840.000.000
Cộng	1.680.000.000	840.000.000

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	3.600.000.000	1.800.000.000
Cộng	3.600.000.000	1.800.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Vay và nợ thuê tài chính**Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Chi tiêu	31/12/2020		Phát sinh năm 2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	42.416.000.000	42.416.000.000	90.316.000.000	106.738.000.000	58.838.000.000	58.838.000.000
Công ty TNHH Tiến Đại Phát (*)	22.416.000.000	22.416.000.000	70.316.000.000	94.738.000.000	46.838.000.000	46.838.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công						
Thương Việt Nam - CN Hà Nam (**)	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
	42.416.000.000	42.416.000.000	200.632.000.000	225.476.000.000	58.838.000.000	58.838.000.000

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiêu	31/12/2020		Phát sinh năm 2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công						
Thương Việt Nam - CN Hà Nam (**)	986.423.874.413	986.423.874.413	0	36.000.000.000	1.010.423.874.413	1.010.423.874.413
	986.423.874.413	986.423.874.413	0	36.000.000.000	1.010.423.874.413	1.010.423.874.413
Cộng	986.423.874.413	986.423.874.413	0	36.000.000.000	1.010.423.874.413	1.010.423.874.413

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Vay và nợ thuê tài chính là bên liên quan

Chỉ tiêu	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	22.416.000.000	22.416.000.000	77.316.000.000	101.738.000.000	46.838.000.000	46.838.000.000
Công ty TNHH Tiến Đại Phát (*)	22.416.000.000	22.416.000.000	70.316.000.000	94.738.000.000	46.838.000.000	46.838.000.000
Vay ông Ngô Tiến Cường	0	0	7.000.000.000	7.000.000.000	0	0
Cộng	22.416.000.000	22.416.000.000	77.316.000.000	101.738.000.000	46.838.000.000	46.838.000.000

(*) Khoản vay của nhà đầu tư là Công ty TNHH Tiến Đại Phát theo Hợp đồng số 0106/2015/HĐV/TĐP-BOTTH ngày 01/06/2015; Phụ lục hợp đồng số 1806/2019/PLHĐ/TĐP-BOTTH ngày 18/06/2019; Phụ lục hợp đồng số 1612/2019/PLHĐ/-BOTTH ngày 16/12/2019 thỏa thuận số tiền vay tối đa 150 tỷ đồng, số tiền vay cụ thể từng lần theo đề nghị, lãi suất 0%, mục đích chủ yếu để trả nợ lãi vay và một phần nợ gốc vay cho ngân hàng.

(**) Hợp đồng tín dụng số HĐ 01/2015-HDDTDDDDA/NHCT-BOT THAIHA ngày 31 tháng 03 năm 2015; Phụ lục hợp đồng số 01/2019-HĐCV-SBDDS02/NHCT384-BOT THAIHA ngày 01/12/2019. Ngân hàng cam kết cho Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà vay với tổng giá trị không vượt quá 1.223.904.000.000 đồng, thời hạn vay là 161 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam, được ghi trên giấy nhận nợ từng lần. Mục đích vay vốn: Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án, thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Thái Hà vượt sông Hồng trên đường nối hai tỉnh Thái Bình - Hà Nam, với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, giai đoạn 1 theo hình thức Hợp đồng BOT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	400.000.000.000	0	400.000.000.000
Tăng vốn	85.000.000.000	0	85.000.000.000
Lỗ trong năm	0	(96.717.560.068)	(96.717.560.068)
Số dư cuối năm trước	485.000.000.000	(96.717.560.068)	388.282.439.932
Số dư đầu năm nay	485.000.000.000	(96.717.560.068)	388.282.439.932
Tăng vốn	107.468.000.000	0	107.468.000.000
Lỗ trong năm	0	(96.433.210.817)	(96.433.210.817)
Số dư cuối năm nay	592.468.000.000	(193.150.770.885)	399.317.229.115

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	40,21%	238.258.000.000	237.900.000.000
Cổ đông khác	59,79%	354.210.000.000	247.100.000.000
Cộng	100%	592.468.000.000	485.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
Vốn góp của chủ sở hữu	592.468.000.000	485.000.000.000
Vốn góp đầu năm	485.000.000.000	400.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	107.468.000.000	85.000.000.000
Vốn góp cuối năm	592.468.000.000	485.000.000.000
Lợi nhuận đã chia	0	0

d. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	59.246.800	48.500.000
Cổ phiếu phổ thông	59.246.800	48.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.246.800	48.500.000
Cổ phiếu phổ thông	59.246.800	48.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

d. Báo cáo tình hình sử dụng vốn trong đợt phát hành cổ phiếu ngày 31/12/2020

Tổng hợp kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ	31/12/2020
Tổng số cổ phiếu đã phát hành (cổ phần)	10.746.800
Giá chào bán thấp nhất (đồng/cổ phần)	10.000
Giá chào bán cao nhất (đồng/cổ phần)	10.000
Giá bình quân gia quyền (đồng/cổ phần)	10.000
Tổng số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu (đồng)	107.468.000.000
Chi phí phân phối cổ phiếu (đồng)	0
Tổng số tiền thu ròng từ việc chào bán cổ phiếu (đồng)	107.468.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**d. Báo cáo tình hình sử dụng vốn trong đợt phát hành cổ phiếu ngày 31/12/2020**

Tình hình sử dụng vốn đợt phát hành cổ phiếu	107.468.000.000
Trả tiền vay cho Công ty TNHH Tiến Đại Phát (đồng)	93.868.000.000
Trả tiền vay cho Ngân hàng ViettinBank - CN Hà Nam (đồng)	13.600.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2020	Năm 2019
a. Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.694.359.091	24.004.687.267
Cộng	25.694.359.091	24.004.687.267
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	25.694.359.091	24.004.687.267
Cộng	25.694.359.091	24.004.687.267
3. Giá vốn hàng bán	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.897.166.377	12.383.330.909
Cộng	12.897.166.377	12.383.330.909
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi	646.785	729.154
Cộng	646.785	729.154
5. Chi phí tài chính	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí lãi vay	108.136.744.849	106.993.971.101
Cộng	108.136.744.849	106.993.971.101
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	341.284.809	340.316.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	702.901.061	942.159.361
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	3.394.000
Chi bằng tiền khác	47.119.597	59.804.663
Cộng	1.094.305.467	1.345.674.479
7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nhân công	2.222.927.122	2.208.409.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.376.015.064	7.816.204.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	705.675.148	942.159.361
Chi phí khác bằng tiền	2.686.854.510	122.231.380
Cộng	13.991.471.844	11.089.005.388

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2020	Năm 2019
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Lỗi trước thuế	(96.433.210.817)	(8.489.957.713)
Thu nhập tính thuế	(96.433.210.817)	(8.489.957.713)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	0
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(96.433.210.817)	(96.717.560.068)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	0	0
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(96.433.210.817)	(96.717.560.068)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	48.532.122	40.046.575
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.987)	(2.415)
10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(96.433.210.817)	(96.717.560.068)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	(96.433.210.817)	(96.717.560.068)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	48.532.122	40.046.575
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	48.532.122	40.046.575
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.987)	(2.415)

11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

12.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
Đồng	+200	(20.503.114.699)
Đồng	(200)	(20.503.114.699)
Năm trước		
Đồng	+100	(10.684.189.964)
Đồng	(100)	(10.684.189.964)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

12.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

12.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31/12/2020	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	42.416.000.000	986.423.874.413	1.028.839.874.413
Phải trả người bán	15.983.844.458	0	15.983.844.458
Phải trả khác	5.714	0	5.714
Chi phí phải trả	21.965.452.057	0	21.965.452.057
Cộng	58.399.850.172	986.423.874.413	1.066.789.176.642
Ngày 31/12/2019			
Các khoản vay và nợ	58.838.000.000	1.010.423.874.413	1.069.261.874.413
Phải trả người bán	15.983.844.458	0	15.983.844.458
Chi phí phải trả	2.200.310.294	0	2.200.310.294
Cộng	74.821.844.458	1.010.423.874.413	1.087.446.029.165

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

	Giá trị ghi số							
	31/12/2020		31/12/2019		31/12/2020		31/12/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
Tài sản tài chính								
- Tiền và các khoản tương đương tiền	3.684.139.473	0	842.878.023	0	3.684.139.473	0	842.878.023	
- Phải thu khác	200.000.000	0	200.000.000	0	200.000.000	0	200.000.000	
TỔNG CỘNG	3.884.139.473	0	1.042.878.023	0	3.884.139.473	0	1.042.878.023	
Nợ phải trả tài chính								
- Vay và nợ	1.028.839.874.413	0	1.069.261.874.413	0	1.028.839.874.413	0	1.069.261.874.413	
- Phải trả người bán	15.983.844.458	0	15.983.844.458	0	15.983.844.458	0	15.983.844.458	
- Phải trả khác	5.714	0	0	0	5.714	0	5.714	
- Chi phí phải trả	21.965.452.057	0	2.200.310.294	0	21.965.452.057	0	2.200.310.294	
TỔNG CỘNG	1.066.789.176.642	0	1.087.446.029.165	0	1.066.789.176.642	0	1.087.446.029.165	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2020
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	77.316.000.000

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2020
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	85.738.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Danh sách các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	Chủ sở hữu góp vốn
Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam	Chủ sở hữu góp vốn
Công ty Cổ phần PIV	Chủ sở hữu góp vốn
Ông Ngô Tiến Cương	Chủ sở hữu góp vốn
Thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty	Quản lý chủ chốt

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	2.642.445.621	2.642.445.621
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	2.642.445.621	2.642.445.621
<i>Phải trả người bán</i>		
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	744.307.604	744.307.604
<i>Vay và nợ thuê tài chính</i>	22.416.000.000	46.838.000.000
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	22.416.000.000	46.838.000.000

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2020</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính</i>	77.316.000.000
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	70.316.000.000
Ông Ngô Tiến Cương	7.000.000.000
<i>Trả gốc vay trong năm</i>	101.738.000.000
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	94.738.000.000
Ông Ngô Tiến Cương	7.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2020 trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh năm 2019 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

4. Điều chỉnh hồi tố

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam. Cụ thể:

Chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019 Đã trình bày	Năm 2019 Trình bày lại	Chênh lệch
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Giá vốn hàng bán (1)	11	85.222.491.051	12.383.330.909	72.839.160.142
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	(61.217.803.784)	11.621.356.358	(72.839.160.142)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(169.556.720.210)	(96.717.560.068)	(72.839.160.142)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(169.556.720.210)	(96.717.560.068)	(72.839.160.142)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	(169.556.720.210)	(96.717.560.068)	(72.839.160.142)
Chỉ tiêu				
Trên bảng cân đối kế toán				
	Mã số	01/01/2020 Đã trình bày	01/01/2020 Trình bày lại	Chênh lệch
Khoản mục Tài sản cố định hữu hình	221	1.298.019.437.126	1.373.498.597.268	75.479.160.142
Giá trị hao mòn lũy kế (2)	223	(83.295.364.944)	(7.816.204.802)	75.479.160.142
Khoản mục nợ ngắn hạn	310	77.025.760.466	77.865.760.466	840.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn (3)	321	0	840.000.000	840.000.000
Khoản mục nợ dài hạn	330	1.010.423.874.413	1.012.223.874.413	1.800.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn (4)	342	0	1.800.000.000	1.800.000.000
Khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(169.556.720.210)	(96.717.560.068)	72.839.160.142
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (5)	421b	(169.556.720.210)	(96.717.560.068)	72.839.160.142

Chi tiết các bút toán điều chỉnh hồi tố đầu kỳ như sau:

(1): Điều chỉnh giảm chi tiêu 11 - Giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh số tiền 72.839.160.142 đồng. Do ảnh hưởng kép từ việc thay đổi khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm số tiền 75.479.160.142 đồng và điều chỉnh tăng chi phí dự phòng phải trả về sửa chữa cầu Thái Hà số tiền 2.640.000.000 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Điều chỉnh hồi tố (tiếp theo)

(2): Điều chỉnh giảm chỉ tiêu 223 - Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình trên Bảng cân đối kế toán số tiền 75.479.160.142 đồng do thay đổi trong phương pháp tính khấu hao từ khấu hao theo đường thẳng sang phương pháp khấu hao theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án.

(3): Điều chỉnh tăng chỉ tiêu 321 - Dự phòng phải trả ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán số tiền 840.000.000 đồng do ước tính chi phí dự phòng phải trả về sửa chữa cầu Thái Hà theo phương án tài chính.

(4): Điều chỉnh tăng chỉ tiêu 342 - Dự phòng phải trả dài hạn trên Bảng cân đối kế toán số tiền 1.800.000.000 đồng do ước tính chi phí dự phòng phải trả về sửa chữa cầu Thái Hà theo phương án tài chính.

(5): Điều chỉnh giảm chỉ tiêu 421b - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán số tiền 72.839.160.142 đồng do ảnh hưởng kép từ việc giảm Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình số tiền là 75.470.160.142 đồng và điều chỉnh tăng chi phí dự phòng phải trả về sửa chữa cầu Thái Hà số tiền là 2.640.000.000 đồng.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Tính đến thời điểm 31/12/2020, khoản lỗ lũy kế thể hiện trên Báo cáo tài chính là 193.150.770.885 đồng (lũy kế đến 31/12/2019 là 96.717.560.068 đồng). Tài sản ngắn hạn tại 31/12/2020 là 106.445.705.507 đồng, tổng nợ phải trả là 1.072.251.058.596 đồng, trong đó nợ ngắn hạn là 82.227.184.183 đồng. Doanh thu 2020 chỉ đạt 26,59% so với phương án tài chính. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh liên tục bị âm từ thời điểm Công ty bắt đầu hoạt động thu phí. Hiện tại các khoản nợ tín dụng được thanh toán nhờ vào sự tài trợ của cổ đông lớn là Công ty TNHH Tiến Đại Phát.

Ngày 04/02/2020, Công ty đã có công văn số 05/2020/TH-KTKH gửi Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục đường bộ Việt Nam và Ban quản lý dự án Thăng Long đề cập đến một số vấn đề còn tồn tại từ bước lập dự án đầu tư, mời nhà đầu tư, triển khai xây dựng, khai thác dự án cầu Thái Hà là những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty cũng đã đưa ra một số kiến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho nhà đầu tư có thể thu đúng, thu đủ để hoàn vốn đầu tư, như: đề xuất được lắp đặt bổ sung trạm thu phí, thực hiện tư vấn lập dự án đánh giá lưu lượng xe thực tế qua cầu, được vốn hóa các chi phí trong thời gian chờ hoạt động,...Hiện tại Công ty đang chờ văn bản trả lời của Bộ Giao thông vận tải và cấp có thẩm quyền về các nội dung theo Công văn nêu trên.

Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng, với tài sản hiện hữu thuộc sở hữu của Công ty là Cầu Thái Hà (tổng giá trị đầu tư là 1.381,314 tỷ đồng) và 94,968 tỷ đồng thuế GTGT trong giai đoạn đầu tư đang làm thủ tục hoàn thuế), cùng với sự hỗ trợ cam kết tài chính dài hạn để thanh toán các khoản nợ tín dụng của nhà đầu tư là Công ty TNHH Tiến Đại Phát theo văn bản số 09/TDP-TCKT ngày 02/01/2019 thì Công ty chắc chắn sẽ hoạt động liên tục trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Minh Đức

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Xuân Phương

Thái Bình, ngày 25 tháng 3 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ




Ngô Tiên Cường